

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 61/2018/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Lương T S, sinh năm 1950; địa chỉ: Số 20 ngách x, Ngõ Chùa, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953; nơi cư trú: Đội 8, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2018.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Ông Lương T S và bà Nguyễn Thị T đều là người cao tuổi.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lương T S và bà Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương T S và bà Nguyễn Thị T tự nguyện thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Ông Lương T S và bà Nguyễn Thị T xác định vợ chồng có ba con chung là Lương Hương T, sinh năm 1976; Lương Hương G, sinh năm 1979; Lương Hương L, sinh năm 1982. Nay các con đã trưởng thành, nên không phải giải quyết về việc trực tiếp nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Ông Lương T S và bà Nguyễn Thị T xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thoả thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Về án phí: Ông Lương T S và bà Nguyễn Thị T thống nhất ông S nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ông S được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nghĩa Hưng;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**  
**(đã ký)**